TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2019/HS-PT
Ngày: 21-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Trần Thanh Hoàng;
- *Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;
Ông Bùi Ngọc Thạch.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 149/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác B), sinh ngày 31/5/1985, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 và bà Ngô Thị H1, sinh năm 1963 (đã chết); bị cáo 03 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1998; bị cáo có vợ tên Trương Thị M, sinh năm 1988; bị cáo có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại, 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/12/2018, Nguyễn Ngọc H đến nhà anh Võ Lê D thuộc khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương mượn xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe của anh D. H nói mượn xe đi Thành phố Hồ Chí Minh lấy đồ và hứa trả xe cho anh D trong ngày 18/12/2018, anh D đồng ý và giao cho H 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61G1-185.05; một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1-185.05. Sau khi lấy được tài sản, H mang xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61G1-185.05 và giấy chứng nhận đăng ký xe đến tiệm cầm đồ Tấn Lợi P ở khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương do bà Lê Thị Thùy D1 làm chủ cơ sở kinh doanh để cầm cố. Bà D1 và ông Phan Tấn L (chồng bà D1) đồng ý cầm cố xe mô tô biển số 61G1-185-05 với giá 7.000.000 đồng. H dùng hết số tiền 7.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Sau đó, anh D không liên lạc được với H nên nghi ngờ H cầm cố xe mô tô biển số 61G1-185.05 của mình nên anh D đi đến các tiệm cầm đồ thuộc phường B để tìm xe thì phát hiện xe mô tô biển số 61G1-185.05 tại tiệm cầm đồ Tấn Lợi P. Ngày 28/12/2018, anh D đến Công an phường B trình báo sự việc. Công an phường B tiếp nhận tin báo và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra Công an thị xã C thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 07/01/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã C kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 61G1-185.05 (đã qua sử dụng) trị giá 12.300.000 đồng.

Ngày 17/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra quyết định xử lý vật chứng số 45/QĐ tiến hành giao trả cho bị hại Võ Lê D tài sản gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61G1-185.05 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1-185.05. Anh D đã nhận lại tài sản và có đơn xin bãi nại cho Nguyễn Ngọc H. Ngày 13/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra quyết định xử lý vật chứng số 85/QĐ tiến hành giao trả cho Nguyễn Ngọc H 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc H. Ngày 12/3/2019, Nguyễn Ngọc H bồi thường cho bà Lê Thị Thùy D1 số tiền 7.000.000 đồng. Bà D1 đã nhận đủ số tiền 7.000.000 đồng và không có yêu cầu thêm về phần trách nhiệm dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra Quyết đinh xử phạt hành chính số 55/QĐ-XPHC-ĐTTH ngày 12/3/2019 xử phạt Lê Thị Thùy D1 số tiền 3.500.000 đồng về hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HS-ST ngày 17/6/2019 của Toà án nhân dân thị xã C đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 123 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định.

Ngày 18/6/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc H có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức hình phạt 08 (tám) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/12/2018, Nguyễn Ngọc H đến nhà anh Võ Lê D để mượn xe mô tô Sirius và giấy chứng nhận đăng ký xe, được anh D đồng ý cho mượn cùng giấy tờ thì H đem xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 61G1-185.05 và giấy chứng nhận đăng ký xe của anh D đến tiệm cầm đồ Tấn Lợi P ở khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương do bà Lê Thị Thùy D1 làm chủ cơ sở kinh doanh để cầm cố. Bà D1 và ông Phan Tấn L (chồng bà D1) đồng ý cầm cố xe mô tô biển số 61G1-185-05 với giá 7.000.000 đồng. H dùng hết số tiền 7.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "*Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*". Theo Kết luận định giá tài sản ngày 07/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 61G1-185.05 đã qua sử dụng trị giá 12.300.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi lợi dụng lòng tin của bị hại đưa xe cho bị cáo mượn, sau đó bị cáo đem xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết được việc lấy xe của người khác đem cầm cố là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý, cho thấy bị cáo là người xem thường pháp luật. Về nhận thức bị cáo H biết hành vi lợi dụng lòng tin của bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại là hành vi trái pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi phạm tôi.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo với mức hình phạt 08 (tám) tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[4] Do đó, Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HS-ST ngày 17/6/2019 của Toà án nhân dân thị xã C.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HS-ST ngày 17/6/2019 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Ngọc H 08 (tám) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải nộp 200.000 đồng.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND thị xã C; 2
- VKSND thị xã C; 1
- Chi cục THADS thị xã C; 1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; 1
- Công an thị xã C; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo; 1
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. 3

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thanh Hoàng